

Bản án số: 66 /2020/KDTM-PT
Ngày 21 tháng 9 năm 2020
“V/v: *Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng vốn góp*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Công Mười
Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 41/2020/TLPT-KDTM ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng vốn góp*”.

Do có kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn đối với bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1926/2019/KDTM - ST ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2012/2020/QĐXX-PT ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Woo Kwang S, sinh năm 1947 (vắng mặt)

Địa chỉ: S, S, K, K, Hàn Quốc.

Địa chỉ liên lạc: Khu phố 5, phường Ph, thành phố Ph1, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông Mai Lưu Ph, sinh năm 1987 (vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: đường Đ, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Jang Gag H, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: H, phường Ph2, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn:* Ông Nguyễn Đức H và bà Lạc Thị Tú D (có mặt)

Cùng địa chỉ: đường Q, phường Th, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Trần Thị Kim Ng – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty trách nhiệm hữu hạn M

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Ph, Thành phố Ph1, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Woo Kwang S

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Kim Dong H, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố 5, phường Ph, Thành phố Ph1, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các bản tự khai, biên bản hòa giải, đại diện nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH M (Công ty M) được thành lập theo pháp luật Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400449465, đăng ký lần đầu ngày 03/3/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 08/02/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp; Giấy chứng nhận đầu tư số 481023000282, chứng nhận lần đầu ngày 03/03/2003, chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 13/11/2013; và vốn điều lệ đăng ký là 7.500.000 USD (tương đương: 123.750.000.000 đồng (một trăm hai mươi ba tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng)).

Ngày 4/11/2016, ông Woo Kwang S (ông S) và ông Jang Gag H (ông H) ký kết Biên bản ghi nhớ về việc chuyển nhượng phần vốn góp từ ông H trong Công ty TNHH M qua cho ông S. Tại thời điểm này, ông H đang là Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc và cũng là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH M.

Ông S đã thanh toán cho ông H theo đúng thỏa thuận trong Biên bản ghi nhớ được quy định tại điều 5: Thanh toán trước từng phần của Giá chuyển nhượng cho Bảo Lãnh. Việc thanh toán cụ thể như sau:

Ngày 04/11/2016: Thanh toán 100.000.000 KRW, tương đương 90.000 USD (khoản này là đặt cọc).

Ngày 29/12/2016: Thanh toán 50.000 USD

Ngày 19/01/2016: Thanh toán 50.000 USD.

Tổng cộng là 190.000 USD

Sau đó, hai bên có ký thêm một Hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày

21/7/2017 tại Việt Nam. Cùng ngày 21/7/2017 hai bên có lập thỏa thuận xác nhận về việc bên B là ông S sẽ chuyển 410.000.000 Won Hàn Quốc cho bên A là ông H. Số tiền phát sinh cho chênh lệch giá (do việc thanh toán 410.000.000 Won) sẽ được trả thêm và chuyển khoản cho thanh toán lần 2 tại Điều 2.2 của hợp đồng chuyển nhượng vốn (số tiền chênh lệch sẽ được tính lại theo loại tỷ giá cơ bản của tỷ giá Ngân hàng K vào ngày chuyển khoản). Nguyên đơn tiếp tục đã thanh toán 410.000.000 KRW cho bị đơn theo hợp đồng này theo 07 phiếu giao dịch chuyển tiền.

Như vậy phía nguyên đơn đã thanh toán tương đương với 600.000 USD cho ông H theo Điều 2 của hợp đồng chuyển nhượng nhưng ông H lại không thực hiện theo cam kết về việc giảm vốn điều lệ xuống đúng số vốn thực tế mà ông đã góp vào Công ty TNHH M. Cũng chính vì đó mà ông S không tiếp tục chuyển tiền như đã thỏa thuận.

Căn cứ theo sổ chi tiết góp vốn thì ông Jang Gag H đã góp: 54.319.304.845 VNĐ (năm mươi bốn tỷ, ba trăm mười chín triệu, ba trăm lẻ bốn ngàn, tám trăm bốn mươi lăm đồng), vốn điều lệ Công ty TNHH M theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 123.750.000.000 VNĐ (một trăm hai mươi ba tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng). Như vậy, tỷ lệ góp vốn của Mr H: $(54.319.304.845 / 123.750.000.000) * 100\% = 43,89\%$. Ông H chỉ chiếm 43,89% tổng vốn điều lệ. Như vậy, ông H chỉ được quyền chuyển nhượng phần vốn đã góp chiếm 43,89% vốn điều lệ chứ không có quyền chuyển nhượng 70% vốn điều lệ. Nên việc ông S yêu cầu ông H giảm vốn điều lệ xuống đúng với số tiền thực tế ông H đã góp để thực hiện việc chuyển nhượng là hoàn toàn hợp lý, đúng theo quy định của pháp luật.

Sau khi hai bên ký Biên bản ghi nhớ thì hai bên thống nhất để ông S làm Tổng giám đốc và là người đại diện theo pháp luật duy nhất của Công ty TNHH M. Việc này để đảm bảo ông S có quyền quyết định các vấn đề của Công ty TNHH M theo điều lệ Công ty quy định, cũng như giám sát được tài sản của Công ty TNHH M trong quá trình chuyển nhượng, đảm bảo được quyền lợi khi mua lại phần vốn góp của ông H và Công ty TNHH M đã thực hiện thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật. Hiện nay, ông S là người đại diện theo pháp luật duy nhất hợp pháp của Công ty TNHH M.

Không những ông H đã vi phạm thỏa thuận mà ông H còn tìm cách để cho ông S không còn bất kỳ quyền gì ở Công ty TNHH M bằng cách miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của ông S và thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Theo Khoản 2 Điều 17 Điều lệ Công ty TNHH M thì Tổng giám đốc có các quyền:

- a. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên.
- b. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty;
- c. Tổ chức thực hiện phương án kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty;

d. Ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;

e. Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch hội đồng thành viên...”

Như vậy, có thể thấy rõ việc ông S bị miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc và không còn là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH M thì quyền và lợi ích của ông S có nguy cơ bị ảnh hưởng nghiêm trọng vì ông S không còn có thể giám sát điều hành trực tiếp hoạt động, quản lý tài sản hiện có của Công ty.

Nay nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn ông Jang Gag H tiếp tục thực hiện đúng theo biên bản ghi nhớ ngày 04/11/2016. Trường hợp ông Jang Gag H không thực hiện thì đề nghị Tòa án tuyên buộc ông Jang Gag H phải thanh toán cho nguyên đơn gấp đôi số tiền mà nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn là 27.703.200.000 đồng; buộc bị đơn ông Jang Gag H phải trả lãi cho phát sinh từ số tiền đã nhận do chậm thực hiện nghĩa vụ là 20 tháng từ ngày 04/11/2016 đến 23/7/2018, cụ thể $13.851.600.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ tháng} \times 10\%/12 = 2.308.600.000 \text{ đồng}$.

Đại diện bị đơn trình bày:

Ngày 04 tháng 11 năm 2016, ông Jang Gag H và ông Woo Kwang S có ký Biên bản ghi nhớ về việc chuyển nhượng phần vốn góp của ông Jang Gag H tại Công ty TNHH M. Biên bản ghi nhớ này được hai bên làm và ký tại Hàn Quốc.

Sau đó, để cụ thể hóa các biên bản ghi nhớ đã ký, ngày 21 tháng 07 năm 2017 ông Jang Gag H và ông Woo Kwang S đã ký hợp đồng chuyển nhượng vốn góp theo đó các bên cùng thống nhất các nội dung như sau:

- Giá chuyển nhượng: 5.000.000 USD (năm triệu đô la Mỹ)

- Phương thức thanh toán: 03 lần

Lần 1: Đặt cọc 600.000 USD (sáu trăm ngàn đô la Mỹ): thanh toán sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng.

Lần 2. Thanh toán 400.000 USD (bốn trăm ngàn đô la Mỹ): chuyển vào tài khoản phong tỏa.

Lần 3. Thanh toán 4.000.000 USD (bốn triệu đô la Mỹ): thanh toán chậm nhất đến ngày 31/08/2018.

- Sau khi ông Woo Kwang S thanh toán xong lần 2 thì bị đơn sẽ nộp hồ sơ để điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của công ty TNHH M (điều 2.2).

- Nếu sau 75 ngày kể từ ngày ông Woo Kwang S thanh toán lần 2 mà bị đơn vẫn chưa điều chỉnh xong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của công ty TNHH M thì ông Woo Kwang S sẽ tự thực hiện thủ tục này. Các chi phí liên quan bị đơn đến thủ tục này sẽ do bị đơn chi trả (khoản 3.2 điều 3).

Việc thực hiện các nội dung đã thỏa thuận như sau:

Sau khi ký biên bản ghi nhớ, ông Woo Kwang S có thanh toán cho ông Jang Gag H 100.000.000 KRW bằng tiền Won Hàn Quốc là khoản đặt cọc theo Điều 5 của biên bản ghi nhớ và thanh toán thêm 50.000 USD ngày 26/12/2016 và 50.000 USD ngày 25/01/2017. Sau đó hai bên có lập thỏa thuận xác nhận ngày 21/7/2017 về việc bên B là ông S sẽ chuyển 410.000.000 Won Hàn Quốc cho bên A là ông H. Số tiền phát sinh cho chênh lệch giá (do việc thanh toán 410.000.000 Won) sẽ được trả thêm và chuyển khoản cho thanh toán lần 2 tại Điều 2.2 của hợp đồng chuyển nhượng vốn (số tiền chênh lệch sẽ được tính lại theo loại tỷ giá cơ bản của tỷ giá Ngân hàng K vào ngày chuyển khoản). Tuy nhiên, nguyên đơn không thanh toán đủ 410.000.000 KRW cho bị đơn.

Cụ thể các lần thanh toán của nguyên đơn:

Ngày 04/11/2016: Thanh toán 1.000.000.000 (Won) tương đương 87.673 USD.

Ngày 30/12/2016: Thanh toán 49.951 USD tương đương 49.951 USD
Ngày 18/01/2017: Thanh toán 49.962 USD tương đương 49.962 USD

Ngày 24/07/2017: Thanh toán 330.000.000 (Won) tương đương 289.906 USD.

Ngày 28/07/2017: Thanh toán 50.000.000 (Won) tương đương 43.915 USD.

Ngày 22/08/2017: Thanh toán 30.000.000 (Won) tương đương 26.355 USD.

Tổng cộng 547.772 USD (Năm trăm bốn mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi hai đô la Mỹ).

Số tiền thanh toán đợt 1 ông Woo Kwang S còn thiếu là: 52.228 USD (năm mươi hai ngàn hai trăm hai mươi tám đô la Mỹ).

Vào các ngày 13/08/2017, ngày 26/02/2018 và ngày 10/07/2018 bị đơn đã gửi văn bản cho ông Woo Kwang S để yêu cầu thực hiện đúng theo các thỏa thuận đã cam kết tuy nhiên ông Woo Kwang S vẫn không thực hiện điều này.

Việc ông Woo Kwang S cho rằng ông Jang Gag H không thực hiện thủ tục thay đổi giấy phép là không có cơ sở bởi các lý do sau:

- Theo thỏa thuận thì thời điểm bị đơn thực hiện thủ tục thay đổi giấy phép là sau khi ông Woo Kwang S thanh toán lần 2. Tuy nhiên tính đến thời điểm này ông Woo Kwang S vẫn chưa thực hiện việc thanh toán lần 2 này.

- Không những chưa thực hiện việc thanh toán lần 2 mà việc thanh toán lần 1 của ông Woo Kwang S vẫn chưa thực hiện đầy đủ.

- Hiện nay thời hạn thực hiện hợp đồng đã hết. Theo điều 2 hợp đồng chuyển nhượng vốn thì thời hạn cuối cùng ông Woo Kwang S phải thanh toán đợt cuối là ngày 31/08/2018 tuy nhiên đến nay ông Woo Kwang S vẫn chưa thực hiện.

Từ các lẽ trên, bị đơn kính mong quý cơ quan xem xét và bác toàn bộ nội

dung, yêu cầu khởi kiện của ông Woo Kwang S bởi các lý do:

- Sau khi ông Jang Gag H và ông Woo Kwang S ký biên bản ghi nhớ ngày 04/11/2016 thì sau đó tại Việt Nam ngày 21/7/2017 hai bên đã ký hợp đồng chuyển nhượng vốn. Như vậy, theo thực tế từ khi ký hợp đồng chuyển nhượng vốn thì biên bản ghi nhớ không còn nữa. Do đó, sau khi đã ký hợp đồng chuyển nhượng thì các bên phải thực hiện theo hợp đồng này. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu tiếp tục thực hiện theo biên bản ghi nhớ ngày 04/11/2016 bị đơn không đồng ý.

- Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 21/7/2017, thì nguyên đơn ông Woo Kwang S đã không thanh toán theo đúng hợp đồng (vi phạm theo khoản 4.2 điều 4 hợp đồng chuyển nhượng vốn). Do vậy bị đơn không đồng ý trả lại tiền gấp đôi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M trình bày: Công ty TNHH M được thành lập theo pháp luật Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400449465, đăng ký lần đầu ngày 03/3/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 08/02/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp; Giấy chứng nhận đầu tư số 481023000282, chứng nhận lần đầu ngày 03/03/2003, chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 13/11/2013; và vốn điều lệ đăng ký là 7.500.000 USD.

Các thành viên góp vốn gồm:

- Ông Kim Hyun M góp 1.500.000 USD, chiếm 20% vốn điều lệ. Ông Kim Hyun M đã góp đủ và được Công ty cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp số 02/GCNGV ngày 30/08/2015.

- Ông Kang Hong G góp 750.000 USD, chiếm 10% vốn điều lệ. Ông Kang Hong G đã góp đủ và được Công ty cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp số 03/GCNGV ngày 30/08/2015.

- Ông Jang Gag H góp 5.250.000 USD, chiếm 70% vốn điều lệ. Đến ngày 30/08/2015, ông H đã góp được 2.400.836 USD, còn thiếu 2.809.164 USD và được Công ty cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp 2.440.836 USD.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 3400449645, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 08/02/2017 thì vốn điều lệ Công ty là 123.750.000.000 VND (một trăm hai mươi ba tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng). Các thành viên góp vốn gồm:

- Ông Jang Gag H góp: 86.625.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 70%;
- Ông Kim Hyun M góp: 24.750.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 20%;
- Ông Kang Hong G góp 12.375.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 10%.

Như vậy, tỷ giá được quy đổi từ USD sang Việt Nam Đồng khi Công ty TNHH M khi cấp đổi Giấy chứng nhận đầu tư sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vào năm 2017 là: $123\,750.000.000\text{ VND} / 7\,500\,000\text{ USD} = 16.500\text{ VND}/1\text{USD}$.

Như vậy, tính đến ngày 30/08/2015 ông Jang Gag H đã góp 2.440.836 USD x 16.500 VND = 40.273.794.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 481023000282, thay đổi lần thứ bốn ngày 13/11/2013 ghi nhận về tiến độ góp vốn: “Phần vốn tăng thêm (5.000.000 USD - Năm triệu đô la Mỹ) do ông Jang Gag H và ông Kim Hyun M thực hiện góp vốn, dự kiến sẽ hoàn thành việc góp vốn trước ngày 16/08/2015”.

Nhưng cho đến nay, ông Jang Gag H vẫn chưa góp đủ số vốn như cam kết và ông H với tư cách chủ tịch Hội đồng thành viên không mời các thành viên họp Hội đồng thành viên để thực hiện việc điều chỉnh vốn điều lệ theo đúng quy định pháp luật.

Hiện nay, ông Jang Gag H đang giữ hồ sơ, tài liệu gốc của Công ty TNHH M.

Công ty TNHH M biết việc ông Jang Gag H và ông Woo Kwang S có ký Biên bản ghi nhớ chuyển nhượng vốn ngày 4/11/2016, sau đó họ có ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 21/7/2017.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1926/2019/KDTM - ST ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Woo Kwang S.

1.1. Tuyên bố Biên bản thỏa thuận ngày 04 tháng 11 năm 2016 và Hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 21/7/2017 giữa ông Woo Kwang S và ông Jang Gag H là vô hiệu.

1.2. Buộc bị đơn ông Jang Gag H thanh toán cho nguyên đơn ông Woo Kwang S số tiền 100.000 USD và 510.000.000 RKW tương ứng với số tiền là 12.526.401.000 đồng (mười hai tỷ năm trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm lẻ một ngàn đồng).

1.3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Woo Kwang S về việc yêu cầu ông Jang Gag H bồi thường gấp đôi số tiền 100.000 USD và 510.000.000 RKW đã nhận và thanh toán tiền lãi từ tháng 9 năm 2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là tháng 11 năm 2019 là 26 tháng tương ứng với 2.656.073.000 (hai tỷ sáu trăm năm mươi sáu triệu không trăm bảy mươi ba ngàn đồng).

2. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 46/2019/QĐ-BPKCTT ngày 26/2/2019 của Tòa án nhân dân Thanh phố Hồ Chí Minh. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/01/2020 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn làm đơn kháng toàn bộ án sơ thẩm.

Ngày 02/01/2020 bị đơn ông Jang Gag H làm đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố biên bản thỏa thuận ngày 04/11/2016 và hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 21/7/2017 giữa ông S và ông H vô hiệu là đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện cho bị đơn không cung cấp chứng cứ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ y án sơ thẩm.

Đối với kháng cáo của nguyên đơn: Nguyên đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã được triệu tập họp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do, do đó đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố biên bản thỏa thuận và hợp đồng chuyển nhượng vốn góp vô hiệu là đúng, tuy nhiên việc giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu chỉ phần tiền mà không xem xét các tài sản khác từ hợp đồng vô hiệu là giải quyết chưa triệt để vụ án thể hiện ở chỗ:

[1] Công ty trách nhiệm hữu hạn M (*Công ty M*) được thành lập theo pháp luật Việt Nam, qua nhiều lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký với vốn điều lệ là: 7.500.000 USD (*trương đương 123,750 tỷ đồng Việt Nam*). Ngày 04/11/2016 ông Woo Kwang S (ông S) và ông Jang Gag H (*ông H*) ký biên bản ghi nhớ về việc chuyển nhượng phần vốn góp từ ông H trong Công ty M sang cho ông S. Tại thời điểm này ông H là chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc và là người đại diện theo pháp luật Công ty M. Ngày 21/7/2017 ông H và ông S cùng ký hợp đồng chuyển nhượng vốn góp với nội dung: ông S mua cổ phần của ông H tại Công ty M với giá chuyển nhượng là 5.000.000 USD và 510.000.000 RKW.

[2] Theo sổ chi tiết góp vốn thì ông H đã góp vào Công ty M được 54.319.304.845 đồng (*năm mươi bốn tỷ, ba trăm mười chín triệu, ba trăm lẻ bốn ngày, tám trăm bốn mươi lăm đồng*) đối chiếu với vốn điều lệ của Công ty M theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 123,750 tỷ đồng, đối chiếu với khoản vốn ông H ở Công ty M thì ông H chỉ chiếm 43,89% trong tổng vốn điều

lệ. Do đó việc ông H ký hợp đồng chuyển nhượng vốn góp cho ông S với giá 5 triệu USD tương ứng với 70% vốn điều lệ là vượt quá phần vốn điều lệ mà ông H sở hữu tại Công ty M, hợp đồng trên đã vô hiệu. Mặt khác việc chuyển nhượng vốn giữa ông H và ông S không được sự đồng ý của các thành viên còn lại của Công ty M là vi phạm Điều 44 Luật doanh nghiệp năm 2005.

[3] Việc chuyển nhượng vốn góp giữa Công ty M chưa được sự đồng ý của Sở kế hoạch đầu tư cấp tỉnh là vi phạm Điều 26 Luật đầu tư năm 2014, mặt khác việc chuyển nhượng vốn giữa ông H và ông S bằng ngoại tệ và chuyển vào tài khoản cá nhân là vi phạm Thông tư số 05/2014/TT – NHNN ngày 12/3/2013 của Ngân hàng nhà nước *“Mọi hoạt động đầu tư gián tiếp của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam. Các giao dịch liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài phải được thực hiện thông qua 01 (một) tài khoản vốn đầu tư gián tiếp mở tại 01 (một) ngân hàng được phép”*.

[4] Từ những phân tích trên cho thấy Biên bản ghi nhớ và hợp đồng chuyển nhượng vốn góp giữa ông Woo Kwang S và ông Jang Gag H là vô hiệu. Do đó căn cứ Điều 127 Bộ luật dân sự để giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, thiệt hại tính trên yếu tố lỗi.

[5] Tòa sơ thẩm buộc ông H trả cho ông S 100.000 USD và 510.000.000KRW. Tuy nhiên chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy sau khi ký biên bản thỏa thuận (ngày 04/11/2016) mặc dù ông S chưa chuyển tiền theo đúng cam kết, nhưng ngày 01/02/2017 ông H và ông S ký biên bản thỏa thuận theo đó ông S quản lý điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn M (ông H giao toàn bộ tài sản cho ông S) để ông S khai thác và thực tế ông S đã quản lý khai thác từ năm 2017. Tòa sơ thẩm tuyên bố hợp đồng vô hiệu nhưng không xem xét lợi nhuận có được hay thiệt hại phát sinh từ khai thác khu du lịch nghỉ dưỡng M mà ông S khai thác trong hai năm qua để xác định nghĩa vụ mỗi bên và cũng không buộc ông S bàn giao lại khu nghỉ dưỡng M cho ông H là giải quyết chưa triệt để vụ án, nội dung này không thể tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác mà cần phải giải quyết ngay trong vụ án này. Tòa sơ thẩm tuyên hợp đồng chuyển nhượng vốn vô hiệu nhưng không giải quyết nội dung này là thiếu sót.

Từ phân tích trên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người đại diện ủy quyền ông Woo Kwang S. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Jang Gag H. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 1926/2019/KDTM - ST ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao hồ sơ vụ án về Tòa sơ thẩm giải quyết lại theo quy định.

2. Về án phí:

- Tịch thu xung công số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của ông Woo Kwang S (*theo biên lai thu số AA/2019/0045508 ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh*).

- Trả lại cho ông Jang Gag H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp (*theo biên lai thu số AA/2019/0045446 ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh*).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Văn